

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HS-PT

Ngày: 04-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông **Phan Minh T** – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Hồng V** và 07 bị cáo khác do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Hồng V (B), sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi ĐKTT: **Số C, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: **Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1957 và bà **Trần Thị D**, sinh năm 1957; vợ **Đoàn Thị H**, sinh năm 1986 (đã ly hôn); con: có 01 con, sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: có 02 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 149/QĐ-XPHC ngày 20/7/2020 của Trưởng **Công an thành phố B**, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 2.250.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (đã nộp phạt); tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2387/QĐ-XPVPHC ngày 19/8/2021 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố B**, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 7.500.000 đồng về hành vi rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc trái phép (chưa nộp phạt); nhân thân: tại Bản án số

47/2023/HS-ST ngày 26/11/2003 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 14/01/2006; tại Bản án số 03/2009/HS-ST ngày 09/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã xử phạt 08 tháng 16 ngày tù về “Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm”, đã chấp hành xong; tại Bản án số 115/2014/HS-PT ngày 09/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 03 năm 06 tháng tù về “Tội buôn bán hàng cấm”, đã chấp hành xong; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Dương Gia B1, sinh năm 2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số A, ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Dương Thanh D1**, sinh năm 1972 và bà **Trần Thị Thanh T2**; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Đỗ Hồng N, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; nơi ĐKTT: **Số B, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: **Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm spa; trình độ văn hóa: lớp 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Đỗ Hữu H1** (chết) và bà **Đoàn Thị C**, sinh năm 1949; chồng **Đặng Kim L**, sinh năm 1973; con: có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 81/2008/HS-PT ngày 18/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về “Tội lưu hành tiền giả”, chấp hành xong ngày 18/4/2013; tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 12/4/2021 Trưởng phòng **Phòng C4, Công an tỉnh B** đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 13/4/2021; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Phạm Quốc C1, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số B, Khu phố A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 5/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Phạm Văn V1**, sinh năm 1955 và bà **Nguyễn Thị Ngọc Ủ**, sinh năm 1955; vợ: **Võ Thị Ngọc D2**, sinh năm 1980; con: có 01 con, sinh năm 1998; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số 14/2015/HSST ngày 07/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 năm tù về “Tội giết người”, chấp hành xong án phạt tù ngày 30/10/2020; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 241/PC.16 ngày 06/02/1996 của **Công an tỉnh B** đã đưa đi cải tạo tập trung với thời gian 12 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; tại Bản án số 71/1996/HS-ST ngày 12/11/1996 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là **thành phố B, tỉnh Bến Tre**) đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; tại Bản án số 122/2003/HS-ST ngày 17/4/2003

của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 03 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Lê Minh T3, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi ĐKTT: **Số E, ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nơi cư trú: **Số A, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Lê Văn L1** (chết) và bà **Võ Thị Huỳnh L2**, sinh năm 1971; vợ: **Nguyễn Huỳnh N1**, sinh năm 1992, có 01 người con sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1966 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số C, Ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Trần Hữu Q** (chết) và bà **Nguyễn Thị B2**, sinh năm 1942; chồng: **Bùi Thanh T5**, sinh năm 1968; con: có 01 con sinh năm 1990; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. Nguyễn Thị L3, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số C, ấp L (Ấp G), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: lớp 4/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Văn N2**, sinh năm 1963 và bà **Lê Thị R**, sinh năm 1956; chồng: **Lê Công L4**, sinh năm 1983; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 141/2002/HSST ngày 26/4/2002 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

8. Phạm Văn T6, sinh năm 1960 tại tỉnh Tiền Giang; nơi ĐKTT: **Số E đường N, Khu phố G, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang**; chỗ ở hiện nay: **Số C, Khu phố B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: lái xe ôm; trình độ văn hóa: lớp 5/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Phạm Văn C2** (chết) và bà **Ngô Thị Q1** (chết); vợ: **Nguyễn Thị N3**, sinh năm 1970; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số 84/2012/HSST ngày 30/3/2012 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 05 tháng tù về “Tội đánh bạc”, chưa chấp hành xong phần dân sự; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 6469/QĐ ngày 10/9/1979 của **Ủy ban nhân dân Thành phố H** đã đưa đi tập trung cải tạo 03 năm về hành vi cướp giật tài sản; ngày 30/11/1983, bị **Công an tỉnh T** bắt về “Tội trộm cắp tài sản” và bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử 12 tháng tù giam; ngày 06/01/1987 bị **Công an tỉnh T** đưa đi cải tạo 03 năm về hành vi

trộm cắp tài sản; tại Quyết định số 02/CA-QĐ ngày 16/9/1991 của Công an tỉnh B đã buộc cưỡng bức lao động 02 năm về hành vi đánh bạc; ngày 27/9/1994, bị Công an tỉnh T bắt về hành vi đánh bạc và bị xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng; tại Quyết định số 98/QĐ ngày 14/10/1996 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; tại Bản án số 64/HSST ngày 29/4/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã xử phạt 12 tháng tù về “Tội tổ chức đánh bạc” và “Tội đánh bạc”; tại Bản án số 152/HSST ngày 27/8/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về “Tội tổ chức đánh bạc”; tại Bản án số: 389/2014/HSST ngày 11/9/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 05 tháng tù về “Tội tổ chức đánh bạc”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hồng V và bị cáo Đỗ Hồng N: Ông Huỳnh Minh T7 – Luật sư Công ty L8 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt;

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Dương Hữu D3, Nguyễn Minh H2, Phan Văn S, Trần Quốc D4, Nguyễn Văn S1, Trần Thị Ngọc H3, Trần Văn H4, Đặng Văn T8, Nguyễn Văn T9, Trần Hoài L5, Trần Trọng Đ, Nguyễn Thành V2, Nguyễn Thị Thùy T10 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 18/7/2022, Công an xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre bắt quả tang các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền tại Phòng số 11 nhà nghỉ A ở ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thu giữ tang vật gồm: 06 (sáu) hột xúc xắc (hột xí ngầu) sáu mặt, mỗi mặt có từ 1 đến 6 nút đỏ hoặc đen; Tiền Việt Nam 3.200.000 đồng (thu tại chiếu bạc).

Khám xét trên người của các đối tượng có liên quan và xung quanh hiện trường, cụ thể: Đỗ Hồng N: Tiền Việt Nam 58.000 đồng; 01 (Một) xe mô tô hiệu HAYATE, màu nâu vàng, Biển số 71H7-9329 và 01 (Một) điện thoại di động Iphone 8. Dương Gia B1: 01 (Một) xe mô tô Biển số 71AA-115.36, hiệu Dream, màu nâu. Nguyễn Minh H2: Tiền Việt Nam 47.200.000 đồng và 01 (Một) nón vải. Phan Văn S: Tiền Việt Nam 700.000 đồng và 01 (Một) điện thoại di động Samsung màu trắng. Đặng Văn T8: Tiền Việt Nam 3.500.000 đồng và 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu xanh. Phạm Quốc C1: 01 (Một) xe mô tô Biển số 59K1-174.24; tiền Việt Nam 70.000 đồng; 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6, màu bạc. Nguyễn Thị L3: Tiền Việt Nam 13.700.000 đồng. Phạm Văn T6: Tiền Việt Nam 16.100.000 đồng và 01 (Một) điện thoại di động N5 màu đỏ và 01 (Một)

xe mô tô Biển số 71S1-5531. **Nguyễn Văn S1**: 01 (Một) điện thoại di động **N5** màu đen; 01 xe mô tô hiệu NOUVO 4, màu đỏ, Biển số 71B1-071.95 và tiền Việt Nam 5.500.000 đồng. **Trần Thị Thanh T4**: 01 (Một) xe mô tô Biển số 71B1-488.55, hiệu SIRIUS, màu đỏ đen. **Lê Minh T3**: 01 (Một) điện thoại di động Iphone, màu trắng; 01 (Một) xe mô tô Biển số 71B4-572.33, hiệu FUTURE, màu trắng và tiền Việt Nam 17.000.000 đồng. **Trần Văn H4**: 01 (Một) xe mô tô Biển số 71H2-4768, hiệu Wave, màu đen, tiền Việt Nam 335.000 đồng; 01 (Một) điện thoại di động **N5** màu đen. **Nguyễn Văn T9**: 01 (Một) xe mô tô Biển số 71F8-0147, hiệu Dream, màu nâu. **Trần Hoài L5**: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu SYMAX, màu đen đỏ, Biển số 71B4-599.79; 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu vàng và tiền Việt Nam 17.700.000 đồng. **Nguyễn Thị Thùy T10**: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe RSX, màu đỏ đen, Biển số 71B4-813.58; 01 (Một) điện thoại di động **N5** và tiền Việt Nam 5.600.000 đồng. **Trần Thị Ngọc H3**: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu ATILA, màu nâu, Biển số 71B1-500.19; 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6, màu vàng và tiền Việt Nam 26.223.000 đồng. **Trần Quốc D4**: 01 (Một) điện thoại di động Samsung màu xanh và tiền Việt Nam 600.000 đồng. **Nguyễn Thành V2**: 01 (Một) điện thoại di động Vivo màu xanh và tiền Việt Nam 100.000 đồng. **Trần Trọng Đ**: 01 (Một) xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh, Biển số 71B1-752.26. Tổng số tiền tham gia đánh bạc thu được là 11.728.000 đồng (trong đó: tại chiếu bạc là 3.200.000 đồng, số tiền trong người của các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.528.000 đồng).

Quá trình điều tra đã xác định: **Phạm Hồng V** tổ chức đánh bạc tại Phòng số 11 nhà nghỉ **Anh D** (do **Trần Nhứt D5** làm chủ) ở **ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre** vào ngày 18/7/2022 dưới hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền thu hút khoảng 20 đến 30 người chơi bài trong tỉnh Bến Tre, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp đến tham gia. **V** thuê **Dương Hữu D3** và **Dương Gia B1** làm nhiệm vụ canh giới và mở cửa cổng cho người tham gia đánh bạc vào sòng bạc. Mỗi ngày khi kết thúc sòng bạc **V** trả công cho **D3** và **B1** từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/người/ngày. Khi những người tham gia đánh bạc vào tham gia lắc tài xỉu, ai có nhiều tiền đứng ra làm cái lắc tài xỉu và tự hiểu với nhau khi lắc lên “bão” thì **V** và người lắc tài xỉu chia nhau với tỷ lệ 50/50 số tiền thắng được. Hình thức lắc tài xỉu là người lắc cho 03 hột xí ngầu vào hộp nhựa rồi úp lại để lắc với quy ước người tham gia đánh bạc đặt phía các ô số 1, 2, 3 là đặt xỉu, đặt phía các ô 4, 5, 6 là đặt tài, người đánh bạc có thể chọn bên tài hoặc bên xỉu để đặt tiền. Sau khi lắc và mở hộp, nếu tổng số điểm các mặt ngựa của 03 hột xí ngầu từ 11 điểm đến 17 điểm thì người đánh bạc đặt cửa tài sẽ thắng người đánh bạc đặt cửa xỉu; nếu tổng điểm từ 4 điểm đến 10 điểm thì người đánh bạc đặt cửa xỉu thắng người đánh bạc đặt cửa tài. Trường hợp 03 hột xí ngầu ra mặt ngựa giống nhau thì gọi là “bão”. Khi

đó, nhà cái sẽ ăn hết số tiền của người đánh bạc đặt bên tài nếu là “bão” xỉu hoặc ăn hết số tiền của người đánh bạc đặt bên xỉu nếu là “bão” tài. Để hỗ trợ cho người làm cái quản lý số tiền đặt cược, thu tiền, chung tiền cho người đánh bạc tham gia đặt tài xỉu, người làm cái sẽ tìm người để hỗ trợ gọi là “làm vĩ”.

Ngày 18/7/2022, **Phạm Hồng V** tổ chức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền. **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái, **H2** lấy 3.000.000 đồng lắc cái khoảng 10 ván thì xảy ra cự cãi **H2** nghi lắc thắng được số tiền 200.000 đồng và giao lại cho **Phan Văn S** làm người lắc cái. **S** lấy số tiền 7.700.000 đồng để lắc cái và nhờ **Đặng Văn T8** “làm vĩ”, **S** lấy 3.000.000 đồng đưa cho **T8** giúp thu tiền, trả tiền thắng cho người đánh bạc. Khi có “bão” Sang trả công cho **T8** số tiền 200.000 đồng/lần “bão”, số người tham gia đặt tài xỉu khoảng 20 người. **S** làm cái đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang.

Các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc:

1. **Phạm Hồng V**: tổ chức sòng bạc với hình thức lắc tài xỉu tại Phòng số 11 nhà nghỉ A ở ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nhà nghỉ do **V** thuê và giao lại cho **Đỗ Hồng N** quản lý. **V** thuê và trả tiền công từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng cho **Dương Hữu D3** và **Dương Gia B1** có nhiệm vụ canh gác, hướng dẫn cho người đánh bạc vào sòng bạc, canh giới lực lượng chức năng và thu tiền “bão”. Ngày 18/7/2022, **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái có 01 ván “bão”, chia tiền “bão” cho **V** 1.200.000 đồng. Đến **Phan Văn S** là người lắc cái có 01 ván “bão”, chia tiền “bão” cho **V** 800.000 đồng, hưởng lợi số tiền 2.000.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang.

2. **Dương Gia B1**: do có quen biết với nhau bên ngoài xã hội nên **B1** điện thoại cho **V** xin vào làm việc thì **V** nhận và thuê làm nhiệm vụ canh giới, canh gác, hướng dẫn người đánh bạc vào sòng bạc và thu tiền “bão”. Ngày 18/7/2022, **B1** có nhận từ **Đỗ Hồng N** 01 ván “bão” số tiền 1.200.000 đồng do **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái. **B1** giúp sức cho **V** thu lợi bất chính số tiền 1.200.000 đồng. **V** trả công cho **B1** 200.000 đồng.

Các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc:

1. **Đỗ Hồng N**: sống chung với **V** như vợ chồng và cùng quản lý nhà nghỉ A. Ngày 18/7/2022, **N** biết việc **V** sử dụng Phòng số 11 nhà nghỉ **Anh D** để tổ chức lắc tài xỉu. **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái đưa tiền “bão” cho **N** nhận số tiền 1.200.000 đồng, **N** đưa tiền “bão” cho **Dương Gia B1** để giao lại cho **V**. Khi **Phan Văn S** là người lắc cái đưa tiền “bão” cho **N** nhận số tiền 800.000 đồng, **N** đưa tiền “bão” cho **Dương Hữu D3** để giao lại cho **V**. Trong lúc **Phan Văn S** là người lắc cái, **N** đem theo số tiền 1.258.000 đồng để đánh bạc, tham gia 03 ván, mỗi ván đặt cược 400.000 đồng, thua hết 1.200.000 đồng. Khi bắt quả tang thu giữ trên người **N** số tiền 58.000 đồng.

2. **Dương Hữu D3**: do quen biết với nhau ngoài xã hội nên **D3** điện thoại cho **V** xin việc làm thì **V** nhận và thuê làm nhiệm vụ canh giới, canh gác, hướng dẫn người đánh bạc vào sòng bạc để tham gia đánh bạc và thu tiền “bão”. Ngày 18/7/2022, **D3** có nhận từ **Đỗ Hồng N** 01 ván “bão” số tiền 800.000 đồng do **Phan Văn S** là người lắc cái. Điện giúp sức cho **V** thu lợi bất chính số tiền 800.000 đồng. **V** trả công cho **D3** 200.000 đồng. **Dương Hữu D3** tham gia đánh bạc đem theo số tiền 350.000 đồng do **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái, tham gia 03 ván, mỗi ván đặt cược 150.000 đồng, thua hết 350.000 đồng.

Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc:

1. **Nguyễn Minh H2**: trước đó, **V** điện thoại rủ **H2** đến **nhà nghỉ A** tham gia lắc tài xỉu. Đến trưa ngày 18/7/2022, **H2** đi từ **thành phố M, tỉnh Tiền Giang** đến **nhà nghỉ A** tham gia đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu. **H2** sử dụng 3.000.000 đồng trong số tiền đem theo là 50.000.000 đồng để tham gia chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền với vai trò là người lắc cái, lúc **H2** làm cái có 08 người tham gia đánh bạc. Nghi lắc cái, Hiếu thắng được 200.000 đồng thì **Phan Văn S** vào thay **H2** là người lắc cái, **H2** sử dụng số tiền 3.200.000 đồng tham gia đánh bạc thua 3.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, thu giữ của **H2** 200.000 đồng. Riêng số tiền 47.000.000 đồng, **H2** bỏ trong túi quần sau bên phải, đem theo để trả nợ cho một người bạn ở **xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre**, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

2. **Phan Văn S**: Chiều ngày 18/7/2022, **S** thuê xe ô tô đi từ **huyện C, tỉnh Đồng Tháp** đến **nhà nghỉ A** để tham gia lắc tài xỉu. Khi đi, **S** sử dụng 7.700.000 đồng đem theo dùng vào mục đích đánh bạc với vai trò là người lắc cái. **S** nhờ **Đặng Văn T8** tham gia thu tiền, chung tiền thắng cho người đánh bạc. Số tiền thắng “bão”, **S** trả công cho người làm “vĩ” 200.000 đồng. Trong lúc **S** làm cái lắc tài xỉu có khoảng 10 người tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang. **S** thua số tiền 4.000.000 đồng, tạm giữ 700.000 đồng.

3. **Đặng Văn T8**: khoảng 14 giờ ngày 18/7/2022, **Đặng Văn T8** điều khiển xe mô tô Biển số 71B4-572.33, hiệu FUTURE, màu trắng chở **Lê Minh T3** đi từ nhà **T3** tại **Ấp C, xã S, thành phố B** đến **nhà nghỉ A** để tham gia đánh bạc. **T8** đem theo 600.000 đồng nhưng không tham gia đánh bạc mà phụ **S** làm “vĩ” phụ thu tiền, chung tiền thắng cho người đánh bạc, **S** đưa số tiền 3.000.000 đồng cho **T8**. Khi **S** đang lắc tài xỉu thì bị bắt quả tang. **T8** thu lợi bất chính 200.000 đồng từ việc tham gia làm “vĩ” và tạm giữ 3.500.000 đồng.

4. **Trần Trọng Đ**: khoảng 13 giờ ngày 18/7/2022, **Đ** điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh, Biển số 71B1-752.26 chở **Bùi Hữu Đ1**, sinh năm: 1971, nơi thường trú: **Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, đi từ **xã M, thành phố B** đến đầu hẻm **nhà nghỉ A** thì **Đ1** xuống xe. **Đ** điều khiển xe mô tô vào **nhà nghỉ A** để tham gia đánh bạc. Khi đi, **Đ** đem theo 1.500.000 đồng, đặt cược ba ván, mỗi

ván đặt cược 500.000 đồng, thua 1.500.000 đồng.

5. **Phạm Quốc C1**: khoảng 14 giờ ngày 18/7/2022, **C1** điều khiển xe mô tô Biển số 59K1-174.24, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu đen đến Phòng số 11 nhà nghỉ **Anh D** để tham gia đánh bạc. Khi đi, **C1** đem theo 1.070.000 đồng để đánh bạc. **C1** tham gia 02 ván, mỗi ván 200.000 đồng do **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái, thua hết. Sau đó, **Phan Văn S** thay **H2** là người lắc cái, **C1** sử dụng 670.000 đồng để đánh bạc, đặt cược 03 ván, mỗi ván 200.000 đồng, thua 600.000 đồng. Khi bị bắt quả tang tạm giữ số tiền 70.000 đồng.

6. **Nguyễn Thị L3**: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/7/2022, **L3** thuê xe ôm đi từ **Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh B** đến nhà nghỉ **Anh D** thuộc xã B, TP. gặp **Nguyễn Thị B2**. Đến nơi, **L3** thấy có tổ chức lắc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **L3** đem theo 200.000 đồng, đặt cược 04 ván, có ván thắng, có ván thua, mỗi ván đặt cược 100.000 đồng, thua hết.

7. **Phạm Văn T6**: khoảng 14 giờ ngày 18/7/2022, **T6** điều khiển xe mô tô hiệu Wave Alpha, màu đen bạc, **B3** số 71Z1-5531 chạy xe ôm chở người khách lạ mặt từ **cầu M** đến **nhà nghỉ A** thuộc xã B, thành phố B. Đến nơi, người khách không trả tiền, **T6** đợi một lúc rồi đi vào trong tìm người khách để lấy tiền thì nhìn thấy có tổ chức đánh bạc nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **T6** đem theo 16.600.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để tham gia đánh bạc. **T6** đặt cược 04 đến 05 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thua 400.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ 100.000 đồng.

8. **Nguyễn Văn S1**: khoảng 15 giờ ngày 18/7/2022, **S1** điều khiển xe mô tô hiệu NOUVO 4, màu đỏ, Biển số 71B1-071.95 đi từ **huyện G** đến **nhà nghỉ A** để gặp bạn. Đến nơi, **S1** thấy có tổ chức chơi tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **S1** đem theo 6.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. **S1** đặt cược 05 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thua hết 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang tạm giữ 500.000 đồng. Số tiền 5.000.000 đồng, **S1** để riêng ở túi quần sau bên phải, dùng để tiêu xài cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

9. **Trần Thị Thanh T4**: khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/7/2022, **T4** điều khiển xe mô tô Biển số 71B1-488.55, hiệu SIRIUS, màu đỏ đen đi từ nhà đến **nhà nghỉ A** để tìm bạn xin việc làm. Đến nơi, **T4** thấy có tổ chức chơi lắc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **T4** đem theo 350.000 đồng để đánh bạc. **T4** đánh bạc do **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái, đặt cược 05 ván, mỗi ván 50.000 đồng, thua hết 250.000 đồng nghỉ. Đến **Phan Văn S** là người lắc cái, **T4** tiếp tục sử dụng 100.000 đồng tham gia đánh bạc, đặt cược 02 ván, mỗi ván 50.000 đồng thua hết.

10. **Lê Minh T3**: khoảng 14 giờ ngày 18/7/2022, **Đặng Văn T8** điều khiển xe mô tô Biển số 71B4-572.33, hiệu FUTURE, màu trắng chở **T3** đến **nhà nghỉ A** để tham gia đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu. Đến nơi, **T3** đem theo 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc. **Nguyễn Minh H2** là người lắc cái, **T3** không nhớ rõ đặt

cược bao nhiêu ván, mỗi ván 50.000 đồng đến 100.000 đồng, thua 900.000 đồng. Đến **Phan Văn S** là người lắc cái, **T3** đặt cược 02 ván, mỗi ván 50.000 đồng, thua 100.000 đồng.

11. **Trần Văn H4**: khoảng 14 giờ ngày 18/7/2022, **H4** điều khiển xe mô tô Biển số 71H2-4768, nhãn hiệu Wave, màu đen chở một người đàn ông không rõ họ tên địa chỉ đi từ **cầu C thuộc xã T, huyện M** đến **nhà nghỉ A**. Đến nơi, **H4** nhìn thấy có tổ chức đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **H4** đem theo 335.000 đồng để tham gia đánh bạc. **H4** đặt cược 03 ván, mỗi ván 100.000 đồng, huề vốn. Khi bị bắt quả tang thu giữ 335.000 đồng.

12. **Nguyễn Văn T9**: khoảng 15 giờ ngày 18/7/2022, **T9** điều khiển xe mô tô Biển số 71F8-0147, nhãn hiệu Dream, màu nâu đi từ **xã M, thành phố B** đến **nhà nghỉ A** để lấy giấy tờ tùy thân đã để quên tại nhà nghỉ. Khi vào nhà nghỉ, **T9** thấy có tổ chức đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **T9** đem theo 400.000 đồng tham gia đánh bạc, đặt cược 02 ván, mỗi ván 200.000 đồng, thua 400.000 đồng.

13. **Trần Hoài L5**: khoảng 13 giờ ngày 18/7/2022, **L5** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYMAX, màu đen đỏ, Biển số 71B4-599.79 chở **Dương Hữu D3** đi từ **xã S, huyện G** đến **nhà nghỉ A** để mời **Phạm Hồng V** và **Nguyễn Tấn Đ2** dự đám cưới. Đến nơi, **L5** thấy có tổ chức đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **L5** đem theo 17.000.000 đồng, sử dụng 800.000 đồng đánh bạc, **L5** đặt cược 04 đến 05 ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thắng 700.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ 1.500.000 đồng. Đối với số tiền 16.200.000 đồng, **L5** bỏ riêng ở túi quần sau bên phải, không sử dụng vào mục đích đánh bạc mà sử dụng để mua vàng làm đám cưới.

14. **Nguyễn Thị Thùy T10**: khoảng 15 giờ 30 phút, **Nguyễn Văn S1** điện thoại rủ **T10** đến nhà nghỉ Anh **D5** uống nước rồi đi ăn. **T10** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe RSX, màu đỏ đen, Biển số 71B4-813.58 đến **nhà nghỉ A** gặp **S1**. Đến nơi, **T10** thấy có tổ chức đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **T10** đem theo 5.900.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để tham gia đánh bạc, **T10** đặt cược 02 ván, ván đầu 100.000 đồng, ván hai 200.000 đồng, thua 300.000 đồng nghỉ. Số tiền 5.600.000 đồng còn lại **T10** để riêng trong túi áo khoác, số tiền này mang theo để tiêu xài cá nhân và mua đồ dùng sinh hoạt.

15. **Trần Thị Ngọc H3**: khoảng 13 giờ ngày 18/7/2022, **H3** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ATILA, màu nâu, Biển số 71B1-500.19, đi từ nhà tại **khu phố P, thị trấn P, huyện M** đến **nhà nghỉ A** để gặp **Nguyễn Thành V2**. Đến nơi, **H3** thấy có tổ chức đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **H3** đem theo 28.723.000 đồng, sử dụng 2.223.000 đồng để đánh bạc, **H3** đặt cược khoảng 07 đến 08 ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thua 1.000.000

đồng. Khi bị bắt quả tang tạm giữ 1.223.000 đồng. Số tiền 26.500.000 đồng, H3 để riêng trong túi quần sau, dùng để mua trang thiết bị làm cửa kiếng, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

16. **Trần Quốc D4**: khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/7/2022, **D4** điều khiển xe mô tô Biển số 71B4-279.47, nhãn hiệu VISION, màu đỏ, chở **Tạ Thị Ánh T11**, sinh năm: 1976, nơi thường trú: **Số H, ấp A, xã S, thành phố B**, đến thăm **N4** đang thuê trọ tại **nhà nghỉ A**. Khi đến nhà nghỉ, **D4** thấy tại Phòng 11 có tổ chức đánh bạc dưới hình thức lặc tài xỉu ăn nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **D4** đem theo 600.000 đồng dùng để đánh bạc. **D4** đặt cược 05 đến 06 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, huề vốn. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 600.000 đồng.

17. **Nguyễn Thành V2**: **V2** đang thuê thàng tại Phòng trọ Số 01 thuộc **nhà nghỉ A**. Khoảng 14 giờ 18/7/2022, **V2** thấy tại Phòng Số 11 có tổ chức đánh bạc dưới hình thức lặc tài xỉu nên vào tham gia đánh bạc. Khi đi, **V2** đem theo 1.200.000 đồng dùng để đánh bạc. **V2** không nhớ rõ đặt cược bao nhiêu ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thua hết 1.100.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ngày 22/7/2023, **Công an xã B, thành phố B** (sau đây gọi tắt là **Công an xã B**) trả lại cho **Nguyễn Văn S1** xe mô tô Biển số 71B1-071.95 và số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 22/7/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Phạm Quốc C1** 01 điện thoại di động Iphone 6, màu bạc; xe mô tô Biển số 59K1-174.24. Ngày 23/7/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Trần Thị Ngọc H3** xe mô tô Biển số 71B1-500.19; 01 điện thoại di động Iphone 6 và số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 25/7/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Nguyễn Thành V2** 01 điện thoại di động Vivo, màu trắng. Ngày 25/7/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Trần Hoài L5** xe mô tô Biển số 71B4-599.79, 01 điện thoại di động Iphone XR và số tiền 16.200.000 đồng. Ngày 25/7/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Nguyễn Thị Thùy T10** xe mô tô Biển số 71B4-813.58; 01 điện thoại di động **N5** và số tiền 5.600.000 đồng. Ngày 25/7/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Phạm Văn T6** xe mô tô Biển số 71S1-5531; 01 điện thoại di động **N5** và số tiền 16.100.000 đồng. Ngày 25/7/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Nguyễn Văn T9** xe mô tô Biển số 71K8-0147. Ngày 28/7/2022, **Công an xã B** trả lại cho **Nguyễn Minh H2** số tiền 47.200.000 đồng và 01 (Một) nón vải. Ngày 29/7/2022, **Công an xã B** trả lại cho **Nguyễn Thị L3** số tiền 13.700.000 đồng. Ngày 27/02/2023, **Công an xã B** trả lại cho **Phan Văn S** 01 điện thoại di động Sam sung A15 và số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 09/9/2022, **Công an xã B** trả lại cho **Trần Huy Á** xe mô tô Biển số 71B1-752.26. **Công an xã B** trả lại cho **Trần Văn H4** xe mô tô Biển số 71H2-4768 và 01 điện thoại di động Nokia, màu đen; trả lại cho **Trần Thị Thanh T4** xe mô tô Biển số 71B1-488.55; trả lại cho

Đỗ Hồng N xe mô tô Biển số 71H7-9329 và 01 điện thoại di động Iphone 8; trả lại cho **Lê Minh T3** 01 điện thoại di động Iphone; xe mô tô Biển số 71B4-572.33 và số tiền 17.000.000 đồng; trả lại cho **Trần Quốc D4** 01 điện thoại di động Sam sung và trả lại cho **Đặng Văn T8** 01 điện thoại di động Nokia.

Đối với vật chứng của vụ án, **Công an xã B** trả lại cho các bị cáo không đúng theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã ban hành Kiến nghị số 363 ngày 16/10/2023 kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động khởi tố, điều tra.

Vật chứng của vụ án do **Công an xã B** đã trả lại. Cơ quan điều tra đã tạm giữ gồm: **Nguyễn Minh H2** tự nguyện nộp lại số tiền 1.700.000 đồng (do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không thể giao nộp lại hết số tiền 47.200.000 đồng). **Phạm Quốc C1** đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, model A1687, điện thoại đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được, không có sim. **Nguyễn Văn S1** tự nguyện giao nộp lại 01 xe mô tô Biển số 71B1-071.95, nhãn hiệu NOUVO, màu đỏ đen, số máy 5P11298940, số khung RLCN5P110BY298936 và số tiền 1.500.000 đồng (trong số tiền 5.000.000 đồng **Công an xã B** đã trả lại). **Trần Thị Thanh T4** tự nguyện giao nộp lại xe mô tô Biển số 71B1-488.55, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen. **Lê Minh T3** tự nguyện giao nộp lại 01 xe mô tô Biển số 71B4-572.33, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu trắng nâu đen, số máy JC90E0099659, số khung RLHJC7659MY002358 và số tiền 17.000.000 đồng. **Trần Hoài L5** do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không thể giao nộp đủ số tiền 16.200.000 đồng nên tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng. **Nguyễn Thị Thùy T10** do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không thể giao nộp đủ số tiền 5.600.000 đồng nên tự nguyện giao nộp 1.500.000 đồng. **Phạm Văn T6** tự nguyện giao nộp lại 01 điện thoại Nokia 6300, màu đen. Do hoàn cảnh gia đình hiện khó khăn, không thể giao nộp đủ số tiền 16.100.000 đồng nên tự nguyện giao nộp 6.600.000 đồng. **Nguyễn Thị L3** do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không thể giao nộp đủ số tiền 13.700.000 đồng nên tự nguyện giao nộp 1.500.000 đồng. **Trần Thị Ngọc H3** tự nguyện giao nộp lại 01 xe mô tô Biển số 71B1-500.19, nhãn hiệu SYM, số loại ATTILA, màu nâu, số máy MVUABD008372, số khung 11BDCD008372 và số tiền 5.000.000 đồng (không thể giao nộp đủ số tiền 26.500.000 đồng). **Nguyễn Thành Văn tự n** giao nộp lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, số IMEI 861128056478131. **Phạm Hồng V** tự nguyện giao nộp lại 1.600.000 đồng tiền thu lợi bất chính và điện thoại di động hiệu OPPO bị hư hỏng. **Dương Hữu D3** tự nguyện giao nộp lại 200.000 đồng tiền công canh gác mà **V** đã trả cho **D3** vào ngày 18/7/2022. **Dương Gia B1** tự nguyện giao nộp lại

200.000 đồng tiền công canh gác mà **V** đã trả cho **B1** vào ngày 18/7/2022.

Vật chứng của vụ án do **Công an xã B** trả lại. Cơ quan điều tra không thu hồi được gồm: **Đỗ Hồng N**: xe mô tô Biển số 71H7-9329, nhãn hiệu HAYATE, màu nâu vàng. Bị cáo giao xe mô tô cho con đi học tại thành phố Hồ Chí Minh và bị mất trộm, không có trình báo chính quyền địa phương. Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, đã bị hư hỏng không còn giữ nên không thể giao nộp lại xe mô tô và điện thoại di động. **Phan Văn S**: điện thoại di động SamSung A51, màu bạc, đã mang đi cầm, hiện không rõ điện thoại ở đâu nên không thể giao nộp lại. **Phạm Quốc C1**: xe mô tô Biển số 59K1-174.24, **C1** mượn và đã trả cho **Võ Anh D6**, sinh năm 1983, ĐKTT: **phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** nên không thể giao nộp lại. **Nguyễn Văn S1**: điện thoại di động Nokia, màu đen, đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp lại. **Lê Minh T3**: điện thoại di động Iphone 12, màu trắng, đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp lại. **Trần Văn H4**: xe mô tô Biển số 71H2-4768, nhãn hiệu Wave, màu đen bị mất trộm, bị cáo **H4** có trình báo tại chính quyền địa phương. Điện thoại di động **N5**, màu đen đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp lại xe mô tô và điện thoại di động. **Nguyễn Văn T9**: đã bán xe mô tô Biển số 71K8-0147, hiệu Dream, màu nâu hơn một năm, hiện xe đang ở đâu bị cáo **T9** không rõ nên không thể giao nộp. **Trần Hoài L5**: xe mô tô Biển số 71B4-599.79, hiệu SYMAX, màu đen đỏ, bị cáo mượn của **Đoàn Ngọc L6** ở **xã S, huyện G** làm phương tiện đi lại, đã trả xe cho anh **L6**. Riêng 01 điện thoại di động Iphone XR đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp lại xe mô tô và điện thoại di động lại. **Nguyễn Thị Thùy T10**: xe mô tô Biển số 71B4-813.58, đã bán, hiện không rõ xe ở đâu nên không thể giao nộp lại. **Phạm Văn T6**: xe mô tô Biển số 71S1-5531 gia đình đang sử dụng làm phương tiện kiếm sống chính nên không thể giao nộp lại. **Trần Thị Ngọc H3**: điện thoại di động Iphone 6 đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp lại. **Trần Quốc D4**: điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu xanh đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp lại.

Dương Hữu D3 khai nhận trước ngày 18/7/2022, **D3** dùng điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG J5, màu bạc, không nhớ rõ số thuê bao, gọi điện cho **V** xin vào làm việc. Diện không nhớ rõ số thuê bao mà **V** đã sử dụng do điện thoại đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp điện thoại và sim cho Cơ quan điều tra.

Dương Gia B1 khai nhận trước ngày 18/7/2022, **B1** dùng điện thoại di động nhãn hiệu điện thoại Nokia, loại bàn phím, màu đen, với số thuê bao 0348254479 gọi điện cho **V** xin vào nhà nghỉ làm việc. **B1** không nhớ rõ số thuê bao mà **V** đã

sử dụng do điện thoại đã bị hư hỏng, không còn giữ nên không thể giao nộp điện thoại và sim cho Cơ quan điều tra.

Nguyễn Minh H2 khai nhận trưa ngày 18/7/2022, **V** có gọi điện thoại rủ **H2** đến **nhà nghỉ A** để chơi tài xỉu. Lúc liên lạc với **V**, **H2** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu cam, số thuê bao 0919.529.049. **H2** không nhớ rõ số điện thoại của **V**. Hiện điện thoại di động đã bán và sim đã bị khóa nên không thể giao nộp cho Cơ quan điều tra.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 12-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Hồng V**, **Dương Gia B1** phạm “Tội tổ chức đánh bạc”; bị cáo **Đỗ Hồng N** phạm “Tội tổ chức đánh bạc” và “Tội đánh bạc”; các bị cáo **Phạm Quốc C1**, **Lê Minh T3**, **Trần Thị Thanh T4**, **Nguyễn Thị L3** và **Phạm Văn T6** phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm a, b, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng V** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Dương Gia B1** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tổ chức đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Đỗ Hồng N** chấp hành chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc C1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Minh T3** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh T4** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bổ sung bị cáo **Trần Thị Thanh T4** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L3** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T6** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**, tỉnh Bến Tre tiếp tục xác minh làm rõ đối với số tiền 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng để xử lý theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh, trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 25/01/2024 bị cáo **Phạm Hồng V** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 22/01/2024 bị cáo **Dương Gia B1** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo;

Ngày 25/01/2024 bị cáo **Đỗ Hồng N** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 26/01/2024 bị cáo **Phạm Quốc C1** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt khác không phải hình phạt tù;

Ngày 15/01/2024 bị cáo **Lê Minh T3** kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo, được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ;

Ngày 23/01/2024 bị cáo **Trần Thị Thanh T4** kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt khác không phải hình phạt tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xem xét lại tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên;

Ngày 18/01/2024 bị cáo **Nguyễn Thị L3** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt khác không phải hình phạt tù;

Ngày 15/01/2024 bị cáo **Phạm Văn T6** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo, được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 06/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị về phần biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.200.000 đồng thu tại chiếu bạc khi bị bắt quả tang;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp bản án sơ thẩm đã nêu. Riêng bị cáo **N** cho rằng không tổ chức đánh bạc, tuy nhiên, bị cáo cho rằng lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là đúng.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo **Phạm Hồng V**, **Dương Gia B1** phạm “Tội tổ chức đánh bạc”; bị cáo **Đỗ Hồng N** phạm “Tội tổ chức đánh bạc” và “Tội đánh bạc”; các bị cáo **Phạm Quốc C1**, **Lê Minh T3**, **Trần Thị Thanh T4**, **Nguyễn Thị L3** và **Phạm Văn T6** phạm tội “Đánh bạc” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Đối với các bị cáo **V**, **N**, **C1**, **T6**, **L3** có nhân thân xấu, với mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với từng bị cáo là phù hợp nên được giữ nguyên. Đối với bị cáo **B1** có thêm tình tiết giảm nhẹ gia đình có công đất nước, bị cáo **Thanh T4** có anh được tặng thưởng Huân chương, bị cáo **Minh T3** là lao động chính trong gia đình. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được giữ nguyên;

Xét kháng cáo của bị cáo **Thanh T4** về hình phạt bổ sung, hoàn cảnh gia đình của bị cáo không thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo, mức phạt bổ sung quy định từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, bị cáo bị phạt 10.000.000 đồng là phù hợp nên được giữ nguyên;

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về số tiền 3.200.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tách ra là vi phạm Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp.

1. Áp dụng điểm a, b, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng V** 02 (hai)

năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Dương Gia B1** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tổ chức đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Đỗ Hồng N** chấp hành chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc C1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Minh T3** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh T4** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bổ sung bị cáo **Trần Thị Thanh T4** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L3** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T6** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, tịch thu để nộp ngân sách nhà nước 3.200.000 đồng thu tại chiếu bạc là tiền phạm tội quả tang.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Người bào chữa cho các bị cáo **V** và **N**, cho rằng:

Hành vi của bị cáo **V**, bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên có tình tiết là vụ án có 02 Cáo trạng, Bản án ghi theo Cáo trạng số 114 ngày 22/11/2023 và Cáo trạng khác số 82 ngày 08/9/2023, các bị cáo **V**, **N** đồng ý hủy Bản án sơ thẩm. Việc này có hai tình huống xảy ra.

Tình huống 1: Nếu việc thay thế cáo trạng là đúng;

Tình huống 2: Nếu cáo trạng có sai sót mà không thực hiện các quyết định tố tụng, các bị cáo nhận 02 cáo trạng là vi phạm thì hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại;

Sau khi Kiểm sát viên nêu việc thay thế cáo trạng tại trang 32 của Cáo trạng số 114, người bào chữa cho các bị cáo **V**, **N** có quan điểm bổ sung: Bị cáo **N** không bàn bạc với Vi việc tổ chức đánh bạc, **N** không hưởng lợi, việc truy tố xét xử bị cáo **N** về “Tội tổ chức đánh bạc” là chưa chính xác. Đề nghị rút truy tố “Tội tổ chức đánh bạc” đối với bị cáo **N**; bị cáo **N** là lao động chính trong gia đình, có mẹ già, nuôi 02 con ăn học, bị cáo phạm 01 tội đề nghị cho bị cáo hưởng án treo. Đối với bị cáo **V**, bị cáo có tích cực giúp cơ quan điều tra làm sáng tỏ vụ án, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo **V** chỉ rủ 02 người đánh bạc, số người ra vào bị cáo không kiểm soát.

Đối với 02 số bạc thì không đồng tình, mà là một chiếu bạc do đổi cái và làm cái tiếp tục, cơ quan chức năng cho rằng có 02 chiếu bạc là bất lợi cho bị cáo **V** và bị cáo **N**.

* Lời nói sau cùng:

Bị cáo **V**: thừa nhận hành vi tổ chức đánh bạc, thấy sai trái, lúc đầu biết lúc sau không biết, có gọi cho các người vi phạm về làm việc, gia đình có công cách mạng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất;

Bị cáo **B1**: yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

Bị cáo **N**: mong Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nhẹ nhất;

Bị cáo **Minh T3**: mong Hội đồng xét xử cho hưởng án treo ở ngoài nuôi con nhỏ;

Bị cáo Thanh Tâm: yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo để ở ngoài do còn mẹ già, bị cáo biết lỗi;

Bị cáo **L3**: yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo vì có các con còn nhỏ;

Bị cáo **T6**: yêu cầu giảm mức án do đang điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp

với quy định tại Điều 333, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt bị cáo **Phạm Quốc C1**, bị cáo đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nên phiên tòa tiếp tục xét xử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định.

Vào ngày Ngày 18/7/2022, **Phạm Hồng V** tổ chức lặt tài xỉu ăn thua bằng tiền bị bắt quả tang. Quá trình điều tra chứng minh thể hiện:

Các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc:

1. **Phạm Hồng V**: Vì tổ chức sòng bạc với hình thức lặt tài xỉu tại Phòng số 11 nhà nghỉ A ở ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nhà nghỉ do **V** thuê và giao lại cho **Đỗ Hồng N** quản lý. **V** thuê **Dương Hữu D3** và **Dương Gia B1** có nhiệm vụ canh gác, hướng dẫn cho người đánh bạc vào sòng bạc, cảnh giới lực lượng chức năng và thu tiền “bão”. Ngày 18/7/2022, **Nguyễn Minh H2** là người lặt cái có 01 ván “bão”, chia tiền “bão” cho **V** 1.200.000 đồng. Đến **Phan Văn S** là người lặt cái có 01 ván “bão”, chia tiền “bão” cho **V** 800.000 đồng. Tổng cộng hưởng lợi số tiền 2.000.000 đồng.

2. **Dương Gia B1**: Được **V** thuê làm nhiệm vụ cảnh giới, canh gác, hướng dẫn người đánh bạc vào sòng bạc và thu tiền “bão”. Ngày 18/7/2022, **B1** có nhận từ **Đỗ Hồng N** 01 ván “bão” số tiền 1.200.000 đồng do **Nguyễn Minh H2** là người lặt cái. **B1** giúp sức cho **V** thu lợi bất chính số tiền 1.200.000 đồng. **V** trả công cho **B1** 200.000 đồng.

Các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc:

1. **Đỗ Hồng N**: Sống chung với **V** như vợ chồng và cùng quản lý nhà nghỉ A. Ngày 18/7/2022, **N** biết việc **V** sử dụng Phòng số 11 nhà nghỉ **Anh D** để tổ chức lặt tài xỉu. **Nguyễn Minh H2** là người lặt cái đưa tiền “bão” cho **N** nhận số tiền 1.200.000 đồng, **N** đưa tiền “bão” cho **Dương Gia B1** để giao lại cho **V**. Khi **Phan Văn S** là người lặt cái đưa tiền “bão” cho **N** nhận số tiền 800.000 đồng, **N** đưa tiền “bão” cho **Dương Hữu D3** để giao lại cho **V**. **N** sử dụng số tiền 1.258.000 đồng để đánh bạc do **Phan Văn S** lặt cái, thua hết 1.200.000 đồng. Khi bắt quả tang thu giữ trên người **N** số tiền 58.000 đồng.

2. **Dương Hữu D3**: Được **V** thuê làm nhiệm vụ cảnh giới, canh gác, hướng dẫn người đánh bạc vào sòng bạc để tham gia đánh bạc và thu tiền “bão”. Ngày

18/7/2022, D3 có nhận từ Đỗ Hồng N 01 ván “bão” số tiền 800.000 đồng do Phan Văn S lặc cái. Diện giúp sức cho V thu lợi bất chính số tiền 800.000 đồng. V trả công cho D3 200.000 đồng. Dương Hữu D3 sử dụng số tiền 350.000 đồng, tham gia 03 ván do Nguyễn Minh H2 lặc cái, thua hết 350.000 đồng.

Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc:

1. Nguyễn Minh H2: Ngày 18/7/2022, H2 sử dụng 3.000.000 đồng để tham gia chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền với vai trò là người lặc cái, lúc H2 làm cái có 08 người tham gia đánh bạc. Nghi lặc cái, Hiếu thắng được 200.000 đồng thì Phan Văn S vào thay H2 lặc cái, H2 sử dụng số tiền 3.200.000 đồng tham gia đánh bạc thua 3.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, thu giữ của H2 200.000 đồng.

2. Phan Văn S: S sử dụng 7.700.000 đồng vào mục đích đánh bạc với vai trò là người lặc cái. S nhờ Đặng Văn T8 tham gia thu tiền, chung tiền thắng cho người đánh bạc. Số tiền thắng “bão”, S trả công cho người làm “vĩ” 200.000 đồng. Trong lúc S làm cái lặc tài xỉu có khoảng 10 người tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang. S thua số tiền 4.000.000 đồng, tạm giữ 700.000 đồng.

3. Đặng Văn T8: T8 tham gia phụ S làm “vĩ” phụ thu tiền, chung tiền thắng cho người đánh bạc, S đưa số tiền 3.000.000 đồng cho T8. T8 thu lợi bất chính 200.000 đồng từ việc tham gia làm “vĩ”.

4. Trần Trọng Đ: Đ sử dụng 1.500.000 đồng, đặt cược ba ván, thua 1.500.000 đồng, do H2 lặc cái.

5. Phạm Quốc C1: C1 sử dụng 1.070.000 đồng để đánh bạc. C1 tham gia 02 ván, do Nguyễn Minh H2 lặc cái, thua hết. Sau đó, Phan Văn S thay H2 là người lặc cái, C1 sử dụng 670.000 đồng để đánh bạc, đặt cược 03 ván, thua 600.000 đồng. Khi bị bắt quả tang tạm giữ số tiền 70.000 đồng.

6. Nguyễn Thị L3: L3 sử dụng 200.000 đồng, đặt cược 04 ván do H2 lặc cái, thua hết 200.000 đồng;

7. Phạm Văn T6: T6 sử dụng 500.000 đồng để tham gia đánh bạc do H2 lặc cái. T6 đặt cược 04 đến 05 ván, thua 400.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ 100.000 đồng;

8. Nguyễn Văn S1: S1 sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. S1 đặt cược 05 ván do H2 lặc cái, thua hết 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang tạm giữ 500.000 đồng;

9. Trần Thị Thanh T4: T4 sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc. T4 đánh bạc do Nguyễn Minh H2 lặc cái, đặt cược 05 ván, thua hết 250.000 đồng. Đến Phan Văn S lặc cái, T4 tiếp tục sử dụng 100.000 đồng tham gia đặt cược 02 ván, thua hết 100.000 đồng.

10. **Lê Minh T3**: **T3** sử dụng 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc do **Nguyễn Minh H2** lắc cái, **T3** thua 900.000 đồng. Đến **Phan Văn S** lắc cái, **T3** đặt cược 02 ván, thua 100.000 đồng.

11. **Trần Văn H4**: **H4** sử dụng 335.000 đồng để tham gia đánh bạc do **Phan Văn S** lắc cái. **H4** đặt cược 03 ván, huề vốn. Khi bị bắt quả tang thu giữ 335.000 đồng;

12. **Nguyễn Văn T9**: **T9** sử dụng 400.000 đồng tham gia đánh bạc, do **Phan Văn S** lắc cái, đặt cược 02 ván, thua 400.000 đồng;

13. **Trần Hoài L5**: **L5** sử dụng 800.000 đồng đánh bạc do **S** lắc cái, **L5** đặt cược 04 đến 05 ván, thắng 700.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ 1.500.000 đồng.

14. **Nguyễn Thị Thùy T10**: **T10** sử dụng 300.000 đồng để tham gia đánh bạc do **S** lắc cái, **T10** đặt cược 02 ván, thua 300.000 đồng nghỉ.

15. **Trần Thị Ngọc H3**: **H3** sử dụng 2.223.000 đồng để đánh bạc, do **S** lắc cái, **H3** đặt cược khoảng 07 đến 08 ván, thua 1.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang tạm giữ 1.223.000 đồng.

16. **Trần Quốc D4**: **D4** sử dụng 600.000 đồng dùng để đánh bạc, do **S** lắc cái. **D4** đặt cược 05 đến 06 ván, huề vốn. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 600.000 đồng.

17. **Nguyễn Thành V2**: **V2** sử dụng 1.200.000 đồng dùng để đánh bạc, do **S** lắc cái, thua hết 1.100.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 100.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền tham gia đánh bạc do **Nguyễn Minh H2** lắc cái là **8.970.000 đồng**, có 08 người tham gia và do **Phan Văn S** lắc cái là **18.886.000 đồng**, có 13 người tham gia.

Bị cáo **N** và người bào chữa cho bị cáo **N** cho rằng bị cáo **N** không phạm tội tổ chức đánh bạc, thấy rằng qua điều tra bị cáo tự nguyện khai báo, thể hiện bị cáo **N** biết **Phạm Hồng V** tổ chức đánh tài xỉu, trong khi **N** và **V** cùng là chủ quản lý nhà nghỉ, **N** trực tiếp tham gia đánh bạc và nhận tiền “Bão” từ **H2** và **S** giao lại cho **D3** và **B1** để giao lại cho **V**, thể hiện vai trò giúp sức cho **V** trong việc tổ chức đánh bạc.

Người bào chữa cho bị cáo **V** cho rằng bị cáo **V** chỉ rủ 02 người tham gia đánh bạc và số người ra vào bị cáo không kiểm soát được, tuy nhiên số tiền bão bị cáo **V** nhận là từ nhiều người tham gia đánh bạc mà có.

Với ý thức, hành vi, số tiền tham gia đánh bạc, nhân thân đã nêu trên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xét xử và tuyên bố:

Bị cáo **Phạm Hồng Vi p** “Tội tổ chức đánh bạc” theo điểm a, b, đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự;

Đỗ Hồng N phạm “Tội tổ chức đánh bạc” theo điểm a, b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Dương Gia B1 phạm “Tội tổ chức đánh bạc” theo điểm a, b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo **Phạm Quốc C1**, **Lê Minh T3**, **Trần Thị Thanh T4**, **Nguyễn Thị L3** và **Phạm Văn T6** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau:

1. Bị cáo **Phạm Hồng V** có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án, có 02 tiền sự về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc trái phép”. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”; “Có người thân được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người chủ mưu, giữ vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo trực tiếp tổ chức, đồng thời bị cáo là người thu lợi nhiều nhất từ việc tổ chức đánh bạc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới để làm căn cứ giảm hình phạt, với mức hình phạt 02 năm tù là phù hợp (do bị cáo có tiền sự lại tiếp tục phạm tội cùng hành vi và là người chủ mưu) nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

2. Bị cáo **Đỗ Hồng N** mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu đã từng bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo là người đứng ra thuê nhà trọ và cùng với **V** tổ chức đánh bạc với vai trò là người giúp sức, thu tiền “bảo” trong cả hai chiều bạc giúp bị cáo **V** trong lần phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Trong lần phạm tội đánh bạc bị cáo là người chơi, tham gia đặt cược ăn thua với người lắc cái. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng là lao động chính trong gia đình, nuôi 02 con ăn học. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu với mức hình phạt 01 năm 09 tháng cho cả hai tội tù là phù hợp

được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

3. Bị cáo **Phạm Quốc C1** có nhân thân xấu, bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích và tham gia đánh bạc do **H2** và **S** lắt cái nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo là người chơi, tham gia đặt cược ăn thua với người lắt cái. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, với mức hình phạt 09 tháng tù (do bị cáo có tiền án) là phù hợp được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

4. Bị cáo **Phạm Văn T6** có tiền án, bị cáo đã nhiều lần bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo là người chơi, tham gia đặt cược ăn thua với người lắt cái. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng bản thân bị bệnh phổi, hiện chăm sóc vợ bị tai biến nhưng không cung cấp giấy tờ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Với mức hình phạt 09 tháng tù là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

5. Bị cáo **Nguyễn Thị L3** không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo là người chơi, tham gia đặt cược ăn thua với người lắt cái. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng có ba con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, số tiền tham gia đánh bạc ít. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù và không cho bị cáo hưởng án treo hay áp dụng hình phạt khác là phù hợp nên được giữ nguyên.

6. Bị cáo **Dương Gia B1** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là

người giúp sức, thu tiền “bão”, thực hiện việc canh gác cửa theo yêu cầu của bị cáo **V** ở cả 02 chiếu bạc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ có ông **C3** (ông **Dương Văn T12**) là liệt sĩ, cha (ông **Dương Văn L7**) được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì (theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

7. Bị cáo **Lê Minh T3** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án án này, bị cáo là người chơi, tham gia đặt cược ăn thua với người lắc cái. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là lao động chính trong gia đình (theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

8. Bị cáo **Trần Thị Thanh T4** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án án này, bị cáo là người chơi, tham gia đặt cược ăn thua với người lắc cái. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là có mẹ già, bản thân có bệnh, có người anh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và thể hiện ăn năn hối hận;

Xét yêu cầu của các bị cáo **B1**, **Minh T13** và **Thanh T4**, thấy rằng các bị cáo có nhân thân tốt, có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo **Minh T13** và **Thanh T4** phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Việc cho các bị cáo **B1**, **Minh T13** và **Thanh T4** được hưởng án treo không vi phạm Hướng dẫn số 02/VBHN/TANDTC ngày 07/9/2022 về việc cho hưởng án treo nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **B1**, **Minh T13** và **Thanh T4**, sửa Bản án sơ thẩm.

Xét yêu cầu của bị cáo **Thanh T4** về tình tiết tăng nặng “Phạm tội hai lần trở lên”, thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo **Minh T3** và **Thanh T4** đều cho rằng vào ngày 18/7/2022 chỉ có một sòng bạc tại Phòng số 11 nhà nghỉ Anh **D5** và khi **Nguyễn Minh H2** làm cái đứng lên nghỉ thì **Phan Thanh S2** vào làm cái, phù hợp với lời khai của **Nguyễn Minh H2** “Sau khi tôi nghỉ **S2** vào thay tôi lắc cái” (BL 1371) và “**S2** vào thay tôi lắc cái” (BL 1379). Như vậy, sòng bạc mang tính liên tục trong đó các bị cáo còn tiếp tục tham gia cá cược là **Lê Minh T3**, **Trần Thị**

Thanh T4 và **Phạm Quốc C1**. Nên chưa có cơ sở vững chắc để áp dụng tình tiết phạm tội hai lần trở lên đối với các bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo **Trần Thị Thanh T4** về hình phạt bổ sung, thấy rằng hoàn cảnh gia đình của bị cáo không thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo nên không có cơ sở miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với số tiền 3.200.000 đồng, thấy rằng qua điều tra tuy chưa xác định là của ai, nhưng là số tiền được thu tại chiếu bạc, vụ án truy tố đối với 21 bị can và Tòa án xét xử sơ thẩm đối 21 bị cáo nên số tiền thu giữ này là vật chứng vụ án cần được giải quyết trong cùng vụ án này. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị đề nghị tịch thu số tiền 3.200.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước là có cơ sở nên được chấp nhận.

Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Hồng V**, **Đỗ Hồng N**, **Phạm Quốc C1**, **Phạm Văn T6** và **Nguyễn Thị L3** giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: **Dương Gia B1**, **Lê Minh T3** và **Trần Thị Thanh T4**, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Các bị cáo không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm; các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với bị cáo **T6** là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Hồng V**, **Đỗ Hồng N**, **Phạm Quốc C1**, **Phạm Văn T6**, **Nguyễn Thị L3**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Dương Gia B1**, **Phạm Minh T14**, **Trần Thị Thanh T4** và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Hồng V**, **Dương Gia B1** phạm “Tội tổ chức đánh bạc”; bị cáo **Đỗ Hồng N** phạm “Tội tổ chức đánh bạc” và “Tội đánh bạc”; các bị cáo **Phạm Quốc C1**, **Lê Minh T3**, **Trần Thị Thanh T4**, **Nguyễn Thị L3** và **Phạm**

Văn T6 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng điểm a, b, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng V** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tổ chức đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Đỗ Hồng N** chấp hành chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc C1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T6** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L3** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.6. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Dương Gia B1** 01 (một) năm tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 04/5/2024.

Giao bị cáo **Dương Gia B1** về cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo phối hợp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Minh T3** 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 04/5/2024.

Giao bị cáo **Lê Minh T3** về cho Ủy ban nhân **xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre** để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo phối hợp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh T4** 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 04/5/2024.

Giao bị cáo **Trần Thị Thanh T4** về cho Ủy ban nhân **xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre** để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo phối hợp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bổ sung bị cáo **Trần Thị Thanh T4** số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với các bị cáo được hưởng án treo, trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu số tiền 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Phạm Hồng V, Đỗ Hồng N, Phạm Quốc C1** và **Nguyễn Thị L3** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo **Dương Gia B1, Lê Minh T3, Trần Thị Thanh T4** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo **Phạm Văn T6**.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (24b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã Phước Long, xã Lương Phú, h. Giồng Trôm (2b);
- UBND xã Bình Phú, xã Sơn Đông, xã Phú Nhuận, Phường 7, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre (5b);
- UBND xã Phước Hiệp, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND Phường 3, thành phố Mỹ Tho (1b);
- Các bị cáo (8b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh